| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 370/2023/HC-PT<br>Ngày 29 tháng 5 năm 2023 | |
| *V/v "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính về quản lý đất đai".* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Trí Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 605/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2022 *"Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính về quản lý đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 312/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện*: bà Nèang V, sinh năm 1970 (có mặt)

Cư trú: tổ 07, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nèang V là ông Dương Văn Nghiệp, sinh năm 1964 (có mặt)

Cư trú: số 322, tổ 12, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh A.

*2. Người bị kiện*:

2.1. Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A;

Người đại diện hợp pháp cho Ủy ban nhân dân xã A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A là ông Khon Vi K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 347, 348/GUQ-UBND ngày 10/11/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là ông Nguyễn Thanh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 6786/GUQ-UBND ngày 03/11/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T là ông Lê Thanh P – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nèang N, sinh năm 1935; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Pô Thi, xã A, huyện T, tỉnh A.

3.2. Bà Nèang H, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.3. Ông Chau C, sinh năm 1989; (vắng mặt)

3.4. Bà Nèang Q1, sinh năm 1992; (vắng mặt)

3.5. Bà Nèang T, sinh năm 1994; (vắng mặt)

3.6. Bà Chau S, sinh năm 1995; (vắng mặt)

3.7. Bà Nèang Q, sinh năm 1999; (có mặt)

Cùng cư trú: tổ 07, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Nèang N, Nèang H, Chau C, Nèang Q1, Nèang T, Chau S là bà Nèang Q, nơi cư trú: tổ 07, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2022 và Tờ tường trình ngày 14/4/2022). (có mặt)

*Người kháng cáo:* người khởi kiện là bà Nèang V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

***1.Người khởi kiện: bà Neàng V trình bày:***

Nguồn gốc đất của mẹ bà là bà Nàng P (chết năm 1995), bà P được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt GCNQSDĐ) số 01258QSDĐ/nK, ngày 20/11/1998, diện tích 6.907m$^2$ loại đất màu tại các Thửa: 149, 150, 151; Bản đồ số 04. Sau khi mẹ bà chết, anh chị em thống nhất để phần đất này cho bà sử dụng.

Năm 2004, thì anh, chị, em lập thỏa thuận thống nhất chuyển quyền sử dụng phần đất của mẹ bà để sang tên cho bà và được UBND huyện T cấp

GCNQSDĐ số 02158QSDĐ/nK, ngày 19/02/2004; Tờ bản đồ số 4; Thửa 149, 150, 151, diện tích 6.907m$^2$ cho bà và ông Chau C1 (trong GCNQSDĐ ghi tên Chau Chuc)

Do GCNQSDĐ cấp không đúng tên ông Chau C1, nên năm 2020, bà xin cấp đổi và được cấp GCNQSDĐ số CS05192, ngày 10/3/2020, gồm:

- Tờ bản đồ số 87, số thửa 24, diện tích 5.736m$^2$
- Tờ bản đồ số 87, số thửa 32, diện tích 1.835m$^2$

Hiện tại, cán bộ Địa chính xã A đang quản lý bản chính GCNQSDĐ số CS05192.

Đây là đất của mẹ bà chết thì anh chị em lập thỏa thuận thống nhất chuyển quyền sử dụng cho bà đứng tên riêng, không có tên chồng bà là ông Chau C1. Ông Chhe đã chết, có những người con kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm: Nèang N (mẹ của ông Chhe); các con ông Chhe: Nèang H, Chau C, Nèang Q1, Nèang T, Chau S và bà Nèang Q.

Vào năm 2000, UBND xã A, UBND huyện T kêu đo đạc lấy đất của bà diện tích 2.700m$^2$ để nâng cấp mở rộng Hương lộ 17A Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949, đoạn từ UBND xã A đến ngã ba Sóc Tức. Tại thời điểm đó, giấy đất do mẹ bà đứng tên, nhưng anh, chị, em bà thống nhất giao cho bà trực tiếp sử dụng, khi đo đạc đất để mở rộng lộ thì bà không đồng ý; có đến gặp ông Mao Kim Hên - Chủ tịch UBND xã A (nay đã về hưu) nói giao đất để làm công trình rồi sẽ bồi thường sau. Khi làm đường xong mà không thấy bồi thường, bà có gửi đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết bồi thường.

Đến năm 2017, UBND xã An Tức gửi cho bà Thông báo số: 80/TB-UBND, ngày 24/10/2017 cho rằng tại thời điểm làm lộ thì đất do mẹ bà đứng tên không khiếu nại (nhưng mẹ của bà chết 1995 thì sao đứng đơn khiếu nại được); bà là người trực tiếp sử dụng đất có khiếu nại mà không được giải quyết, kéo dài đến năm 2017, UBND xã ra Thông báo cho rằng thời hiệu khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng. UBND xã lại hướng dẫn bà khiếu nại Thông báo của xã rồi sau đó ban hành Quyết định số: 85/QĐ-UBND, ngày 11/4/2019 bác khiếu nại của bà, rồi lại kêu bà tiếp tục khiếu nại Quyết định của Xã lên cấp trên (UBND huyện); Ủy ban nhân dân huyện T có mời làm việc, rồi ban hành Quyết định số: 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 cũng bác khiếu nại của bà; hướng dẫn bà khởi kiện ra Tòa án.

Diện tích 2.700m$^2$ để nâng cấp mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949, đoạn từ UBND xã A đến ngã ba Sóc Tức hiện vẫn còn trên GCNQSDĐ số 02158QSDĐ/nK, ngày 19/02/2004, Tờ bản đồ số 04, số Thửa 159, 150, 151 trong diện tích 6,907m$^2$ do bà và Chau Chuc đứng tên, nhưng hiện trạng đang sử dụng trên diện tích này chỉ còn khoản 4.000m$^2$ trồng khoai mì.

Nay, bà Nèang V yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số: 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 của Chủ Tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nèang V;

- Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nèang V;

- Thông báo số: 80/TB-UBND ngày 24/10/2017 của UBND xã A, huyện T.

***2. Người bị kiện:***

**2.1. Ủy ban nhân dân xã A, huyện T** do ông Khon Vi K đại diện theo ủy quyền, trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến, ngày 19/11/2021, như sau:

Ngày 24/10/2017, UBND xã A ban hành Thông báo số: 80/TB- UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết về việc bà Nèang V yêu cầu bồi thường phần diện tích đất 2.700m$^2$ của gia đình bà khi Nhà nước làm đường Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 vào năm 2000.

Ngày 11/4/2019, UBND xã An Cư ban hành Quyết định số: 85/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V. Nội dung quyết định: bác Đơn khiếu nại Thông báo số: 80/TB-UBND, ngày 24/10/2017 của Chủ tịch UBND xã A đối với bà Neàng V.

Kết quả làm việc nội dung khiếu nại:

- Ngày 12/01/2017, UBND xã A có nhận được đơn khiếu nại của bà Neàng V, sinh năm 1970, cư ngụ: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A, yêu cầu được bồi thường 03 công đất mà Nhà nước đã làm đường nâng cấp, lán nhựa lộ nông thôn tuyến Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 từ thị trấn T đến ngã ba Sóc Tức thuộc ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A.

- Tại Biên bản làm việc của UBND xã A với bà Neàng V ngày 19/01/2017, như sau: về nguồn gốc đất là do ông Ngoại tên Chau Sóc để lại với diện tích 6.907m$^2$ đất rẫy tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A. Sau đó, phần này để lại lần lượt cho mẹ bà là Neàng P và hiện bà là người trực canh. Vào năm 1998, bà Neàng P được cấp GCNQSDĐ số 02158QSDĐ/nK, ngày 20/11/1998, Tờ bản đồ số 4, Thửa 149, 150 151, diện tích 6.907m$^2$. Sau khi Neàng P chết thì bà Vúth được thừa kế phần đất này và đổi bộ vào năm 2004 và đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số 02158QSDD9/nK, Tờ bản đồ số 04, Số thửa 149, 50, 151, diện tích 6.907m$^2$.

Riêng phần đất này vào năm 2000, Nhà nước nâng cấp Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 và đoạn lộ này có đi ngang phần đất của bà là 2,7 công. Bà Vúth yêu cầu Nhà nước xem xét bồi thường phần đất này cho bà.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

- Vào năm 2000, thực hiện Quyết định số:135/1998/QĐ-TTg, ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế -

xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa và Quyết định số 1232/1999/QĐ-TTg, ngày 24/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới thuộc phạm vi chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (trong đó có xã A, ngân sách địa P đầu tư). Theo đó, Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 từ xã Xuân Tô (nay là thị trấn T) đến ngã ba Sóc Tức (thuộc xã A).

Trong quá trình thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 vào năm 2000, UBND xã A có mời những hộ dân có đất cặp theo tuyến lộ để vận động hiến đất, nhưng các buổi họp dân không có lập biên bản, khi đó những hộ dân tham dự cuộc họp đều đồng ý hiến đất làm lộ, không hộ dân nào yêu cầu bồi thường và vào thời điểm này (năm 2000) mẹ của bà Neàng V (bà Nèang P) còn đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng bà Nèang P cũng không khiếu nại yêu cầu bồi thường.

Riêng về hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 thì UBND xã A không tìm thấy hồ sơ lưu trữ quản lý, qua trích lục hồ sơ gốc tại Văn phòng Đăng ký đất tại huyện T thì được biết bộ đất là do bà Neàng P mẹ ruột của bà Neàng V đứng tên vào năm 1998. Đến ngày 01/12/2003, bà Neang P mới làm hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Neàng V, mãi đến ngày 19/12/2004 thì bà Nèang V đứng tên GCNQSDĐ. Như vậy, việc bà Neàng V khiếu nại yêu cầu được bồi hoàn là sau khi Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 đã thi công hoàn thành 2 năm.

- Qua xác minh của UBND xã A với các hộ dân như sau: Biên bản xác minh của UBND xã A với các ông: Ngô Văn O, ngày 07/6/2017; Huỳnh Văn Bé, ngày 08/6/2017; Phạm Văn Quý, ngày 08/6/2017; ông Chau Mươn ngày 14/6/2017; Chau Phen, ngày 14/6/2017 đều cho biết là việc thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17 trước đây thì chính quyền địa P vận động nhân dân hiến đất làm đường lộ chứ không có bồi thường.

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh nêu trên, nhận thấy:

Trước đây, khi Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 là không có bồi thường, hỗ trợ mà thực hiện theo chủ trương “Nhà nước và Nhân dân cùng làm", do đó chỉ vận động những hộ dân có đất theo tuyến Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 để hiến đất làm đường với mục đích phát triển kinh tế - xã hội ở địa P. Hơn nữa, vào năm 2000 khi thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 nêu trên, thì bà Nèang P (mẹ của bà Neàng V) đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng bà Nèang P không khiếu nại yêu cầu bồi thường. Đến ngày 19/02/2004,

bà Neàng V mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ mẹ (bà Neang P). Như vậy, bà Nèang V cho rằng việc khiếu nại của bà từ khi thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 cho đến nay là không phù hợp, vì vào thời điểm năm 2000 bà Neang P (mẹ của bà Neăng Vuth) còn đứng tên trong GCNQSDĐ nhưng bà P không khiếu nại, đến ngày 19/02/2004 bà Neàng V mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ mẹ như đã nêu trên và sau đó bà Vút khiếu nại thì thời hiệu khiếu nại đã hết. Hơn nữa, vào thời điểm này (năm 2000) bà Neàng V có đứng đơn khiếu nại cũng không đủ điều kiện để giải quyết, vì lúc này mẹ của bà Neàng V (bà Neang P) còn đứng tên trong GCNQSDĐ. Đồng thời, bà Neàng V cũng không cung cấp được những giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức và cá nhân nhận và xử lý đơn có liên quan đến nội dung khiếu nại của bà như đã nêu trên.

Căn cứ khoản 6 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: *"Thời hiệu thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng",* căn cứ khoản 4 Điều 3 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP, ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Tại khoản 4 quy định: *"Việc sử dụng đất phục vụ cho các công trình công ích của làng, xã bằng hình thức huy động sự đóng góp của dân thì không áp dụng những quy định của Nghị định này".* Đồng thời, qua lời trình bày của bà Neàng V thì bà cũng đã biết việc nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 nêu trên là không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số: 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V, có nội dung: giữ nguyên nội dung Quyết định số: 85/QĐ-UBND, ngày 11/4/2019 của UBND xã A về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V; bác đơn khiếu của bà Neàng V yêu cầu Nhà nước bồi thường diện tích khoảng 2.700m$^2$ đất khi Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949.

Như vậy, Thông báo số: 80/TB-UBND, ngày 24/10/2017 và Quyết định số: 85/QĐ-UBND, ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu theo Quyết định cung cấp tài liệu chung cứ số: 53/2021/QĐ-CCTLCC, ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh A, UBND và Chủ tịch UBND xã A có ý kiến như sau:

Năm 2000, Ủy ban nhân dân xã A thực hiện theo chủ trương của Nhà nước nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 có vận động đất của bà Neàng P hiến đất để làm đường, diện tích đất không rõ là bao nhiêu, đất đó không nằm trong diện tích 6.907m$^2$ của GCNQSDĐ số 02158QSDĐ/nK,

ngày 20/11/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Nèang P.

Ngày 09/10/2018, UBND xã A, xác nhận vào Đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ ngày 24/11/2016 của bà Neàng V với nội dung: *"Ranh giới thửa đất không thay đổi, thống nhất cấp theo diện tích, số tờ, số thửa mới. Hồ sơ đủ điều kiện cấp đổi"*. Do thực hiện chủ trương đo đạc, lặp lại bản đồ địa chính (đo cấp đổi), nên UBND xã A căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế đất của bà Nèang V để xác nhận vào hồ sơ cấp đổi do Xí nghiệp trắc địa Bản đồ 103 trực thuộc công ty Tài nguyên và Môi trường Miền nam (đơn vị đo đạc) cung cấp.

UBND xã A không giữ GCNQSDĐ của bà Vúth.

Ông Khon Vi K xin vắng mặt suốt quá trình xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh A.

***2.2. Người bị kiện:*** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T** do ông Nguyễn Thanh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, đại diện theo ủy quyền, trình bày ý kiến, ngày 04/11/2021, như sau:

Ngày 09/10/2019, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 5683/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V, (lần hai). Nội dung quyết định: giữ nguyên nội dung Quyết định số: 85/QĐ-UBND, ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V; bác đơn khiếu nại của bà Neang Vúth yêu cầu Nhà nước bồi thường diện tích khoảng 2.700m$^2$ đất khi Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949.

Kết quả thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại:

Vào năm 2000, thực hiện Quyết định số: 135/1998/QĐ-TTg, ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa và Quyết định số: 1232/1999/QĐ-TTg, ngày 24/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới thuộc phạm vi Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa (trong đó có xã A, ngân sách địa P đầu tư). Theo đó, Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17 từ xã Xuân Tô (nay là thị trấn T) đến ngã ba Sóc Tức (thuộc xã A).

Tại Biên bản làm việc của Thanh tra huyện với bà Neàng V ngày 30/7/2019 và ngày 15/8/2019, như sau:

- Về nguồn gốc đất mà bà Neàng V khiếu nại yêu cầu bồi thường là của bà Nèang P (mẹ bà Vúth), bà P được UBND huyện T cấp Giấy CNQSDD số 02158QSDĐ/nK, Tờ bản đồ số 04, Thửa 149, 150, 151 diện tích 6.907m$^2$, cấp ngày 20/11/1998. Đến ngày 19/02/2004, bà Vúth nhận chuyển nhượng quyền sử

dụng đất từ bà Neàng P và đã được UBND huyện cấp GCNQSDD số 02158QSDD/nk, Tờ bản đồ số 04, Số thửa 149, 150, 151 diện tích 6.907m$^2$.

- Vào năm 1999, Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949, trong quá trình thực hiện, UBND xã A có mời những hộ dân có đất cặp theo tuyến lộ để vận động hiến đất, khi đó những hộ dân tham dự cuộc họp đều đồng ý hiến đất làm lộ, không hộ dân nào yêu cầu bồi thường, riêng bà Vúth không đồng ý và bà ý kiến là nếu làm đường theo hiện trạng cũ thì bà đồng ý, còn nếu làm mới sang phần đất của bà thì bà yêu cầu bồi thường.

- Đến năm 2000, Nhà nước tiến hành thi công nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949, khi thi công đến đất của bà thì bà có thắc mắc không cho xe làm lộ và yêu cầu bồi thường, sau khi được vận động thì bà đồng ý cho làm đường.

- Qua làm việc, Thanh tra huyện yêu cầu bà Vúth cung cấp tài liệu có liên quan đến việc khiếu nại, qua đó bà Vúth chỉ cung cấp được một số đơn và Tờ tường trình vào năm 2000; năm 2007 đến năm 2019, không có giấy tờ, tài liệu nào của cơ quan, tổ chức hay cá nhân thể hiện việc nhận đơn và xử lý đơn của bà.

Tại các Biên bản làm việc với UBND xã A ngày 08/8/2019 và ngày 15/8/2019; Biên bản làm việc với ông Nguyễn Thanh Duy (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã A) ngày 12/8/2019, cho thấy:

- Vào năm 2000 Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17 từ xã Xuân Tô (nay là thị trấn T) đến ngã ba Sóc Tức, thuộc xã A (trong đó đoạn từ trung tâm UBND xã đến ngã ba Sóc Tức có phần diện tích đất mà bà Neàng V khiếu nại). Trong quá trình thực hiện, UBND xã A có mời những hộ dân có đất cặp theo tuyến lộ để vận động hiến đất, khi đó những hộ dân tham dự cuộc họp đều đồng ý hiến đất làm lộ, không hộ dân nào yêu cầu bồi thường và vào thời điểm này (năm 2000) thì mẹ của bà Neàng V (bà Neang P) còn đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng bà Nèang P cũng không khiếu nại yêu cầu bồi thường.

- Đồng thời, UBND xã A cho biết thêm, trước đây khi mời những hộ dân có đất cặp lộ để vận động hiến đất làm đường thì UBND xã mời dân họp nhiều lần chia theo từng khu vực, nội dung trong các buổi họp dân nhằm triển khai, thông báo chủ trương về việc làm đường và đồng thời tiến hành vận động người dân hiến đất làm đường, các buổi họp dân không có lập biên bản. Riêng về hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 thì UBND xã A không có lưu trữ, quản lý. Ngoài ra, tại các Biên bản xác minh của UBND xã A với các ông: Ngô Văn O, ngày 07/6/2017; Huỳnh Văn Be, ngày 08/6/2017; Phạm Văn Quý, ngày 08/6/2017; Chau Mươn, ngày 14/6/2017 và Chau Phen, ngày 14/6/2017, (những người này cũng có hiến đất

làm đường lộ cùng khu vực đất của bà Vúth) đều cho biết là việc thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 trước đây thì chính quyền địa P vận động Nhân dân hiến đất làm đường lộ chứ không có bồi thường.

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh nêu trên, nhận thấy:

Trước đây, khi Nhà nước thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 là không có bồi thường, hỗ trợ mà thực hiện theo chủ trương "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", do đó chỉ vận động những hộ dân có đất theo tuyến Hương lộ để hiến đất làm đường với mục đích phát triển kinh tế - xã hội ở địa P. Hơn nữa, vào năm 2000, khi thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 nêu trên thì bà Nèang P (mẹ của bà Neàng V) đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng bà Neàng P không khiếu nại yêu cầu bồi thường, đến ngày 19/02/2004, bà Neàng V  mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng từ mẹ (bà Neàng P). Như vậy, bà Neàng V cho rằng việc khiếu nại của bà từ khi thực hiện nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 cho đến nay là không phù hợp, vì vào thời điểm năm 2000 bà Nèang P (mẹ của bà Neàng V) còn đứng tên trong GCNQSDD nhưng bà P không khiếu nại, đến ngày 19/02/2004 bà Neàng V mới nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ mẹ như đã nêu trên và sau đó bà Vúth khiếu nại thì thời hiệu khiếu nại đã hết. Hơn nữa, vào thời điểm này (năm 2000) bà Neàng V có đứng đơn khiếu nại cũng không đủ điều kiện để giải quyết, vì lúc này mẹ của bà (bà Neàng P) còn đứng tên trong GCNQSDĐ. Đồng thời, bà Neàng V cũng không cung cấp được những giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức và cá nhân nhận và xử lý đơn có liên quan đến nội dung khiếu nại của bà như đã nêu trên.

Căn cứ khoản 6 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011. Tại khoản 6 quy định: *"Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng*"; căn cứ khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP, ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Tại khoản 4 quy định: "*Việc sử dụng đất phục vụ cho các công trình công ích của làng, xã bằng hình thức huy động sự đóng góp của dân thì không áp dụng những quy định của Nghị định này".* Đồng thời, qua lời trình bày của bà Neàng V thì bà cũng đã biết việc nâng cấp, mở rộng Hương lộ 17A nay đổi lại thành đường tỉnh 949 nêu trên là không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, Quyết định số: 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Neàng V, sinh năm 1970, cư trú: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh A (lần hai) là đúng quy định của pháp luật.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* các ông, bà: Nèang N, Nèang H, Chau C, Nèang Q1, Nèang T, Chau S, Nèang Q không gửi văn bản trình bày ý

kiến.

***Tại Bản án số 10/2022/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A đã quyết định:***

* Căn cứ: khoản 1, Điều 30; khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 2, Điều 193; khoản 1, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1, Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nèang V đối với các quyết định hành chính:

+ Quyết định số: 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 của Chủ Tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

+ Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T;

+ Thông báo số: 80/TB-UBND ngày 24/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/6/2022, người khởi kiện bà Nèang V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

Ông Dương Văn Nghiệp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nèang V về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 5683/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 của Chủ Tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nèang V;

- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch UBND xã A, huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nèang V;

- Thông báo số 80/TB-UBND ngày 24/10/2017 của UBND xã A, huyện T.

Với các lý do: Thông báo số 80 cho rằng không khiếu nại là không phù hợp với quy định pháp luật. Bà Phen đã chết nên không thể khiếu nại. Cơ quan thẩm quyền không ra quyết định thu hồi đất. Không xác định đúng chủ thể tham gia pháp luật. Không khởi kiện được là do sai lầm của chính quyền địa P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, bà Neàng V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nèang V; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:*

Xét Quyết định số 5683/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh A được ban hành vào ngày 09/10/2019. Đến ngày 13/7/2020, bà Nèang V khởi kiện (lần 1) đến Tòa án nhân dân tỉnh A yêu cầu hủy quyết định nêu trên. Do bà Vúth không sửa đổi bổ sung Đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án nên Tòa án nhân dân tỉnh A đã ban hành Thông báo số 36/2020/TB-HC ngày 09/10/2020 trả lại đơn khởi kiện cho bà Vúth. Tại thời điểm khởi kiện lần 1 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án vẫn còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tuy nhiên, đến ngày 04/5/2021, bà Nèang V mới tiếp tục khởi kiện lại (lần 2) yêu cầu hủy Quyết định số 5683/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T thì thời hiệu khởi kiện không còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định.

**Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào khoản 5 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Dân sự để tính lại thời hiệu khởi kiện trong vụ án hành chính đối với trường hợp này là không đúng. Bởi lẽ,**

*** Khoản 1 Điều 53 Bộ luật dân sự quy định như sau:**

"Điều 153. Tính liên tục của thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự

*1. **Thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự** có tính liên tục từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc; nếu có sự kiện làm gián đoạn thì thời hiệu phải được tính lại từ đầu, sau khi sự kiện làm gián đoạn chấm dứt".*

- Theo Điều 150 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về các loại thời hiệu như sau:

*"Điều 150. Các loại thời hiệu*

*1. Thời hiệu **hưởng quyền dân sự** là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.*

*2. Thời hiệu **miễn trừ nghĩa vụ dân sự** là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.*

*3. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.*

*4. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu.*"

Như vậy, quy định tại Điều 153 Bộ luật Dân sự 2015 là quy định về ***Thời hiệu hưởng quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự*** không phải là quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự hay thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính.

*** Khoản 5 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính quy định:**

"Các quy định của Bộ luật dân sự về cách xác định thời hạn, thời hiệu được áp dụng trong tố tụng hành chính".

- Theo Điều 151 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về cách tính thời hiệu như sau:

*"Điều 151. Cách tính thời hiệu*

*Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu".*

Như vậy, quy định nêu trên chỉ nhằm hướng dẫn cách tính ngày của thời hạn, thời hiệu khởi kiện trong vụ án hành chính tương tự như cách tính ngày trong vụ án dân sự; còn thời hiệu khởi kiện của vụ án dân sự do pháp luật tố tụng

dân sự quy định, thời hiệu khởi kiện của vụ án hành chính do pháp luật tố tụng hành chính quy định.

**Cụ thể, thời hiệu khởi kiện của vụ án hành chính được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015:** "a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc;".

Đây là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy thời hiệu khởi kiện vụ án không còn. Do đó, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

**[2] Về nội dung:**

Do thời hiện khởi kiện đối với các quyết định bị khởi kiện không còn nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung của các quyết định bị kiện.

**[3] Về án phí:**

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Nèang V phải chịu.

- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nèang V không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 4 Điều 241; điểm g khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Tuyên xử:

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh A và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nèang V về việc hủy các quyết định:

- Quyết định số 5683/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh A;

- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A;

- Thông báo số: 80/TB-UBND ngày 24/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A.

2. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nèang V phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) án phí hành chính sơ tảm được trừ qua 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000018, ngày 25/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A. Bà Nèang V đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm

- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nèang V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Nèang V 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000160 ngày 04/7/2022 (do ông Trần Văn Chiến nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Minh**